

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NHƠN TRẠCH  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2019/HS-ST  
Ngày: 14/8/2019

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**- Thẩm phán-chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Tấn Mỹ.

**- Các Hội thẩm nhân dân:**

Ông Ngô Tấn Thanh

Ông Hoài Đức Huệ

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Nga, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 56/2019/TLST-HS ngày 15 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2019/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Trung T (tên gọi khác: không), sinh năm 1992 tại Đồng Nai.

Nơi cư trú: Ấp H, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1957.

Có vợ là Hồ Thị Thu T và 02 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2018.

Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 26/01/2016, bị Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 (hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Bản án hình sự sơ thẩm số: 47/2016/HSST, chấp hành xong bản án vào ngày 21/01/2017.

- Ngày 11/11/2010, bị Ủy ban nhân huyện Nhơn Trạch, quyết định đưa vào cơ sở chữa bệnh, cai nghiện bắt buộc thời hạn 24 tháng theo quyết định số: 4895/QĐ-UBND.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 23/4/2019, sau đó chuyển tạm giam cho đến nay tại Nhà Tạm giữ Công an huyện Nhơn Trạch (có mặt).

- Bị hại: Anh Dương Minh H, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Thôn 3, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

Chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

- Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng: Ông Vũ Ngọc L, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Nguyễn Trung T là đối tượng nghiện ma túy. Vào lúc 15 giờ 50 phút ngày 05/4/2019, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha HaYate, màu đen trắng, biển số 55P3-0619, xe này T mượn của mẹ vợ là bà Hồ Thị A để đưa rước con đi học. Khi đi ngang qua cửa hàng Điện máy S, ở ấp T, xã V do anh Dương Minh H quản lý, thấy cửa hàng đang mở cửa nhưng không có người trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. T liền dựng xe trước cửa hàng rồi đi vào bên trong thì thấy có 01 điện thoại di động hiệu Sam Sung J7 Pro, màu đồng và chiếc ví da bên trong có 5.460.000 đồng, 01 Giấy chứng minh nhân dân của anh H và 01 giấy đăng ký xe máy của anh H để trên thùng cát tông, T liền lấy trộm số tài sản này. Sau đó, T bán điện thoại cho người đàn ông tên Hùng ở tiệm game (không rõ lai lịch, địa chỉ) được 1.300.000 đồng, còn 01 Giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy đăng ký xe máy và 01 ví da T đã vứt bỏ ven đường.

Ngày 23/4/2019, T đến đầu thú tại Ban Công an xã V, huyện N.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số: 66/KLDG.HĐDG ngày 25 tháng 4 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Nhơn Trạch đã kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Sam Sung J7 Pro, màu đồng, giá trị sử dụng còn lại là 80% có giá trị 4.880.000 (bốn triệu, tám trăm tám mươi ngàn) đồng.

Tại Bản Cáo trạng số: 56/CT-VKS-NT ngày 12 tháng 7 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch đã truy tố bị cáo Nguyễn Trung T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015, đã sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trung T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Xử phạt bị cáo T từ 16 (mười sáu) đến 18 (mười tám) tháng tù.

*Về trách nhiệm dân sự:* Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Dương Minh H số tiền 10.340.000 đồng, là tổng tài sản bị chiếm đoạt.

*- Ý kiến bị hại:*

Vào khoảng 15 giờ 35 phút, tại Cửa hàng Điện máy S do anh H quản lý đã bị kẻ gian vào lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu Sam Sung Galaxy J7 Pro, màu đồng và chiếc ví da bên trong có 6.500.000 đồng, 01 Giấy chứng minh nhân dân của anh H và 01 giấy đăng ký xe máy mang tên Hoàng Thị Hải N (chị dâu anh H) để trên thùng cát tông. Khi phát hiện bị mất tài sản, Anh liền qua nhà anh Vũ Ngọc L nhờ kiểm tra camera quan sát thì phát hiện 01 thanh niên, dáng người cao, đội nón trắng, mặc quần jean bạc, đi xe tay ga màu trắng đã vào lấy trộm tài sản. Sau đó, Anh đã đến Công an xã V để trình báo. Số tài sản bị mất là của riêng Anh và Anh chưa có vợ. Anh đề nghị Tòa án buộc T phải bồi thường tài sản là số tiền do T thừa nhận là 5.460.000 đồng và giá trị điện thoại theo định giá là 4.880.000 đồng. Riêng ví da và tiền chi phí làm lại giấy chứng minh nhân dân, giấy đăng ký xe máy, Anh không yêu cầu. Về trách nhiệm hình sự, Anh đề nghị xử lý theo pháp luật.

*- Ý kiến người làm chứng:* Anh không trực tiếp nhìn thấy bị cáo trộm tài sản tại Cửa hàng Điện máy S. Vào khoảng 16 giờ ngày 05/4/2019, anh H có nhờ kiểm tra camera để tìm người đã vào cửa hàng lấy trộm tài sản. Sau khi kiểm tra thì phát hiện lúc 15 giờ 30 phút, có 01 nam thanh niên điều khiển xe tay ga màu đỏ, trắng, không thấy rõ biển số, đội nón trắng, mặc quần jean bạc đi qua lại và nhìn vào cửa hàng, sau khi quan sát thì thanh niên này đậu xe và đi vào trong khoảng 40 giây rồi trở ra điều khiển xe chạy đi.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội. Tại phiên tòa bị cáo đã khai như sau: Bị cáo là người nghiện ma túy, do cần tiền để tiêu xài nên khoảng 15 giờ 50 phút khi đi ngang Cửa hàng Điện máy S, thấy không có người trông coi nên đã vào lấy trộm tài sản như đã trình bày ở trên. Tiền đồng Việt Nam bị cáo chiếm đoạt là 5.460.000 đồng, không phải là 6.500.000 đồng như bị hại khai. Bị hại khai đã mất 6.500.000 đồng nhưng không có chứng cứ gì để chứng minh. Lời khai của T là phù hợp với một phần lời khai của bị hại, lời khai người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Nguyễn Trung T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã sửa đổi, bổ sung năm 2017 như Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và bị cáo chỉ chịu trách nhiệm hình sự

đổi với số tiền 10.340.000 (5.460.000 +4.880.000) đồng mà cơ quan điều tra đã chứng minh được.

[2] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an ninh xã hội ở địa phương. Bị cáo là công dân đã trưởng thành, nhận thức pháp luật đầy đủ, là người nghiện ma túy, có nhân thân xấu, không chịu tu dưỡng bản thân, quyết tâm cai nghiện mà tiếp tục phạm tội chỉ để thỏa mãn mục đích bản thân. Vì vậy, mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo phải nghiêm, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra; có đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người tốt và đạt được mục đích phòng ngừa chung tội phạm.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử đã xem xét cho bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã ra đầu thú được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, nên giảm một phần hình phạt cho bị cáo nhằm thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa anh H yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị điện thoại di động theo định giá là 4.880.000 đồng và tiền mặt 5.460.000 đồng, bị cáo đồng ý nên ghi nhận.

Về 01 Giấy chứng minh nhân dân, 01 ví da của H và 01 giấy đăng ký xe máy, sau khi phạm tội T đã vứt bỏ ven đường, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nhơn Trạch tra không truy tìm được (bút lục số 25) và anh H không yêu cầu bồi thường nên không xét.

[6] Đối với xe mô tô nhãn hiệu nhãn hiệu Yamaha YaHate, màu đen trắng, biển số 55P3-0619, xe này H mượn của mẹ vợ là bà Hồ Thị A để đưa rước con đi học. Bà A không biết T dùng làm phương tiện phạm tội nên sau khi T trả, bà A đã bán lại cho người khác. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nhơn Trạch không thu hồi để xử lý trong vụ án này là có cơ sở.

[7] Về hành vi Thành chiếm đoạt 500.000 đồng vào ngày 15/4/2019 của người phụ nữ, do chưa xác định được bị hại nên cơ quan điều tra tiếp tục xác minh xử lý sau.

Về người đàn ông tên Hùng có hành vi mua điện thoại do T bán, do chưa xác định được lai lịch và địa chỉ cụ thể nên cơ quan điều tra tiếp tục xác minh xử lý sau.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 517.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm (10.340.000 đồng x 5%).

[9] Về nghĩa vụ thi hành án: Áp dụng theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[10] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Điều tra viên, Kiểm sát viên đã tiến hành các thủ tục tố tụng và thu thập chứng cứ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; đảm bảo quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị cáo những người tham gia tố tụng khác không ai có khiếu nại, tố cáo về hành vi của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng.

[11] Về quan điểm truy tố, tội danh và điều luật áp dụng và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Trung T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, 46, 48, 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ Điều 136, 260, 326, 333, 337 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

1. Xử phạt Nguyễn Trung T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ 23/4/2019.

Buộc bị cáo Thành phải bồi thường cho anh Dương Minh H số tiền 10.340.000 (mười triệu ba trăm bốn mươi ngàn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của khoản tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 517.000 (năm trăm mười bảy ngàn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án

dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008./.

***Nơi nhận:***

- TANDT.Đồng Nai (1) ;
- VKSNDT.Đồng Nai (1);
- VKSNDH.Nhơn Trạch (1);
- Chi cục THADS H.Nhơn Trạch (1);
- Bị cáo (1);
- Bị hại (1);
- Nhà Tạm giữ CAHNTr (1);
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai (1);
- HS Thi hành án hình sự (2);
- Lưu hồ sơ, Tòa án (2).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Tấn Mỹ**